QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
HỢP TÁC XÃ TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH TÂY NINH

MỤC LỤC **Trang**

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 07
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	08
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 19

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là 'Quỹ') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh là một tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, được thành lập theo Quyết định thành lập số 976/QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhằm tiếp nhận vốn ngân sách tỉnh cấp; hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển.
Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã được uỷ thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh (từ ngày 01/07/2025 là Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh) quản lý, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, hạch toán độc lập, được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ được điều chuyển từ vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh theo Quyết định số 2539/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2014 là 20.000.000.000 đồng như sau:

+ Ngày 11 tháng 11 năm 2014	20.000.000.000 đồng
Tổng cộng	**20.000.000.000 đồng**
Vốn thực tế	**20.000.000.000 đồng**

Trụ sở hoạt động

Cơ sở 1: 51 Trà Quý Bình, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh
Cơ sở 2: Số 1, hẻm 21A, đường 30/4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh
Mã số thuế: 3900370721-004

Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2025:

Hội đồng quản lý	**Chức vụ**
- Ông La Hữu Nghị	Chủ tịch
- Ông Lương Minh Trí	Phó Chủ tịch
- Ông Trịnh Ngọc Phương	Thành viên
- Ông Nguyễn Kiên Cường	Thành viên
- Ông Hà Minh Châu	Thành viên
Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán, kế toán	**Chức vụ**
- Ông Lương Minh Trí	Giám đốc
- Bà Ngô Phạm Phương Thu	Phó giám đốc kiêm nhiệm
- Bà Huỳnh Thị Hồng Mỹ	Phụ trách kế toán
- Bà Nguyễn Ngọc Duyên Anh	Kế toán
Ban Kiểm soát	**Chức vụ**
- Bà Lê Thị Hà Ninh	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Kim Phượng	Thành viên
- Ông Nguyễn Hữu Tính	Thành viên

Cho đến ngày phát hành báo cáo này, vẫn chưa có Quyết định bổ nhiệm Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát mới sau sáp nhập tỉnh theo quyết định của Chính phủ từ ngày 01/7/2025; Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán bao gồm:

Ban Giám đốc và Phụ trách kế toán, kế toán	Chức vụ
- Ông Lương Minh Trí	Giám đốc
- Bà Đặng Thị Kiều Oanh	Phụ trách kế toán *(Bổ nhiệm kể từ ngày 21/8/2025 theo Quyết định số 329/QĐ-HĐQL ngày 8/9/2025)*
- Bà Nguyễn Ngọc Duyên Anh	Kế toán

Lĩnh vực hoạt động

Tài chính, dịch vụ

Nhiệm vụ hoạt động của Quỹ

- Thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Tiếp nhận nguồn vốn từ Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh do Uỷ ban nhân dân tỉnh giao hạn mức giải ngân;
- Quản lý và điều hành Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của Quỹ;
- Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh; hoạt động lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;
- Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân giao.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Long An và Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, vẫn chưa có quyết định về việc hợp nhất và chuyển giao, điều lệ tổ chức, hoạt động và chế độ tài chính của Quỹ sẽ được điều chỉnh khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc Quỹ, đến kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn KMF được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Quỹ

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

Lương Minh Trí
Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF
162C Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Email: kmfaudit@kmf-audit.com.vn MST: 0313389088

Số: 20260228004

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản lý và Ban Giám đốc**
Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh được lập ngày 23 tháng 01 năm 2026, từ trang 06 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Long An và Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, vẫn chưa có quyết định về việc hợp nhất và chuyển giao. Việc tổ chức, hoạt động và chế độ tài chính của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh vẫn thực hiện theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Do đó, điều lệ tổ chức, hoạt động và chế độ tài chính của Quỹ sẽ được điều chỉnh khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2026

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Trần Minh Bảo	**Hà Phương Linh**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2025-243-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3776-2026-243-1*

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN	**100**			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**19.590.939.713**	**12.572.145.092**
1. Tiền	111	V.01	575.939.713	107.145.092
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.015.000.000	12.465.000.000
II. Các khoản đầu tư	**120**		**1.990.000.000**	**6.950.000.000**
1. Đầu tư tài chính	121	V.02	1.990.000.000	6.950.000.000
III. Cho vay	**130**	V.03	**5.681.241.050**	**6.942.238.375**
1. Cho vay	131		5.709.790.000	6.980.478.000
2. Dự phòng rủi ro cho vay (*)	139		(28.548.950)	(38.239.625)
IV. Các khoản phải thu	**140**		-	-
V. Hàng tồn kho	**150**		-	-
VI. Tài sản cố định	**160**		**60.516.129**	-
3. Tài sản cố định vô hình	163	V.04	60.516.129	-
- Nguyên giá	163A		148.500.000	76.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	163B		(87.983.871)	(76.500.000)
VII. Bất động sản đầu tư	**170**		-	-
VIII. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**180**		-	-
IX. Tài sản khác	**190**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180+190)	**200**		**27.322.696.892**	**26.464.383.467**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025	01/01/2025
B - NGUỒN VỐN	**210**			
I. Nợ phải trả	**300**		**38.821.348**	**53.364.501**
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	303	V.05	3.197.540	6.062.073
2. Các khoản phải trả khác	305	V.06	517.000	347.000
3. Quỹ khen thưởng phúc lợi	308	V.07	35.106.808	46.955.428
II. Vốn chủ sở hữu	**400**	V.08	**27.283.875.544**	**26.411.018.966**
1. Vốn chủ sở hữu	401		20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	401A		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	404		6.352.653.969	5.827.610.549
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	405		931.221.575	583.408.417
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (410= 300 + 400)	**410**		**27.322.696.892**	**26.464.383.467**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính .

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Ngọc Duyên Anh	**Đặng Thị Kiều Oanh**	**Lương Minh Trí**

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu hoạt động	01	VI.01	326.746.000	426.523.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		326.746.000	426.523.000
4. Chi phí hoạt động	11	VI.02	106.956.972	115.475.848
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		219.789.028	311.047.152
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	904.395.165	613.095.875
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý, kinh doanh	23	VI.04	147.742.861	310.079.816
9. Lợi nhuận thuần [30=20+(21-22)-23]	30		976.441.332	614.063.211
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		976.441.332	614.063.211
14. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.05	45.219.757	30.654.794
15. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		931.221.575	583.408.417

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính .

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Ngọc Duyên Anh	**Đặng Thị Kiều Oanh**	**Lương Minh Trí**

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ chủ yếu	01		3.502.144.000	4.695.475.769
2. Tiền chi các hoạt động nghiệp vụ chủ yếu	02		(2.021.187.647)	(1.451.702.419)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(103.924.754)	(255.105.487)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế TNDN đã nộp	05		(46.323.215)	(30.286.283)
6. Tiền thu khác	06		-	-
7. Tiền chi khác	07		(104.308.928)	(50.251.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động nghiệp vụ	**20**		**1.226.399.456**	**2.908.129.998**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(72.000.000)	
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.950.000.000)
4. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.960.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	27		904.395.165	613.095.875
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**5.792.395.165**	**(6.336.904.125)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**-**	**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**7.018.794.621**	**(3.428.774.127)**
Số dư đầu kỳ (Tiền và tương đương tiền)	**60**		**12.572.145.092**	**16.000.919.219**
Số dư cuối kỳ (Tiền và tương đương tiền) (70=50+60+61)	**70**		**19.590.939.713**	**12.572.145.092**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính .

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Ngọc Duyên Anh	**Đặng Thị Kiều Oanh**	**Lương Minh Trí**

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH TÂY NINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh là một tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, được thành lập theo Quyết định thành lập số 976/QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhằm tiếp nhận vốn ngân sách tỉnh cấp; hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển.
Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã được uỷ thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Tây Ninh (từ ngày 01/07/2025 là Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh) quản lý, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, hạch toán độc lập, được sử dụng con dấu của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Hình thức sở hữu vốn: 100% vốn Nhà nước

Trụ sở hoạt động

Cơ sở 1:	51 Trà Quý Bình, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh
Cơ sở 2:	Số 1, hẻm 21A, đường 30/4, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh

2. Lĩnh vực hoạt động

Tài chính, dịch vụ

3. Nhiệm vụ hoạt động của Quỹ

- Thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng và hỗ trợ lãi suất đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Tiếp nhận nguồn vốn từ Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh do Uỷ ban nhân dân tỉnh giao hạn mức giải ngân;
- Quản lý và điều chỉnh Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng, không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của Quỹ;
- Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn tài trợ, viện trợ, vốn uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc, cho vay đầu tư đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh; hoạt động lĩnh vực nông nghiệp, địa bàn nông thôn được ưu đãi về lãi suất và bảo lãnh tín dụng từ quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã; ưu tiên vay vốn tín dụng từ ngân hàng phát triển và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; được vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;
- Thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân giao.

4. Chu kỳ hoạt động thông thường

Chu kỳ hoạt động thông thường của Quỹ không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Quỹ trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính 2025 những hoạt động của Quỹ không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Từ ngày 01/01/2025, Quỹ áp dụng chế độ Kế toán cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính. Trước ngày 01/01/2025, Quỹ áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hiện hành và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng;

Vì vậy, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu cho vay đầu tư bằng vốn hoạt động

Các khoản cho vay ngắn hạn có thời hạn cho vay đến 1 năm, các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm.

3. Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích theo quy định tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái; Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ;

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm máy tính.	03 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 08

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Phương pháp phân bổ : đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã bao gồm :

Vốn Ngân sách Nhà nước cấp ghi theo số thực nhận

Vốn khác : hình thành bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND 02/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã.

9. Doanh thu và thu nhập khác

Quỹ ghi nhận doanh thu, thu nhập trên cơ sở thực thu.

* ***Doanh thu từ lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	-	-
Tiền gửi ngân hàng VND	**575.939.713**	**107.145.092**
Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín - Chi nhánh Tây Ninh	3.103.729	15.343.452
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	115.872.339	2.297.455
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	455.954.344	88.496.954
Kho bạc Nhà Nước Tinh Tây Ninh	1.009.301	1.007.231
Các khoản tương đương tiền	**19.015.000.000**	**12.465.000.000**
Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín - Chi nhánh Tây Ninh	4.587.000.000	3.960.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	14.428.000.000	8.505.000.000
Tổng cộng	**19.590.939.713**	**12.572.145.092**

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gởi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư tài chính		
- Tiền gửi có kỳ hạn	*1.990.000.000*	*6.950.000.000*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	1.990.000.000	6.950.000.000
Tổng cộng	**1.990.000.000**	**6.950.000.000**

3. Cho vay

	Cuối năm		Đầu năm	
	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi
2.1 Hình thức cho vay	**5.709.790.000**	**5.681.241.050**	**6.980.478.000**	**6.942.238.375**
Quỹ trực tiếp cho vay (*)	5.709.790.000	5.681.241.050	6.980.478.000	6.942.238.375
Tổng cộng	**5.709.790.000**	**5.681.241.050**	**6.980.478.000**	**6.942.238.375**

(*) Chi tiết các đối tượng cho vay	Cuối năm	Đầu năm
- Hợp tác xã Dịch Vụ Thương Mại Nông Nghiệp Tân Châu	1.704.540.000	-
- Tổ Hợp tác Tân Toàn	1.600.000.000	2.400.000.000
- Hợp tác xã Dịch vụ Nông Nghiệp Thạnh Tây	880.000.000	1.216.000.000
- Tổ hợp tác Đồng Cỏ Đỏ	860.000.000	1.100.000.000
- Tổ hợp tác Bảo Duy	315.000.000	575.000.000
- Hợp tác xã Đồng Khởi	304.000.000	456.000.000
- Tổ hợp tác sản xuất kinh doanh Linh Sơn	46.250.000	600.850.000
- Tổ hợp tác sản xuất kinh doanh Khả Hân	-	162.800.000
- Tổ hợp tác nhân viên Hoàn Ngọc	-	130.000.000
- Tổ hợp tác dưa lưới Xóm Bố	-	100.000.000
- Tổ hợp tác Cẩm An	-	124.828.000
- Tổ hợp tác Hùng Tấn	-	65.000.000
- Tổ hợp tác chăn nuôi bò sữa Bình Minh	-	50.000.000
Cộng	**5.709.790.000**	**6.980.478.000**

2.2 Phân tích chất lượng dư nợ cho vay	Cuối năm	Đầu năm
- Nợ trong hạn	5.709.790.000	6.905.650.000
- Nợ quá hạn	-	74.828.000
Tổng cộng	**5.709.790.000**	**6.980.478.000**

2.3 Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian	Cuối năm	Đầu năm
a. Nợ ngắn hạn	1.646.250.000	1.233.478.000
b. Nợ dài hạn	4.063.540.000	5.747.000.000
Tổng cộng	**5.709.790.000**	**6.980.478.000**

2.4 Dự phòng rủi ro cho vay	Năm nay	Năm trước
- Số đầu kỳ	38.239.625	74.466.196
- Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	27.276.201	- 36.226.571
- Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong kỳ	(36.966.876)	-
- Số dư cuối kỳ	**28.548.950**	**38.239.625**

Dự phòng rủi ro tín dụng được trích theo quy định tại Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/07/2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái; Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguyên giá				
Phần mềm kế toán	76.500.000	72.000.000	-	148.500.000
Tổng cộng	76.500.000	72.000.000	-	148.500.000
Khấu hao luỹ kế				
Phần mềm kế toán	76.500.000	11.483.871	-	87.983.871
Tổng cộng	76.500.000	-	-	87.983.871
Giá trị còn lại				
Phần mềm kế toán	-	60.516.129	-	60.516.129
Tổng cộng	**-**	**72.000.000**	**-**	**60.516.129**

5. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.300.998	45.219.757	46.323.215	3.197.540
Thuế thu nhập cá nhân	1.761.075	13.073.678	14.834.753	-
Tổng cộng	**6.062.073**	**58.293.435**	**61.157.968**	**3.197.540**

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, vì vậy, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

6. Phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
- Các khoản phải trả phải nộp khác	517.000	347.000
Tổng cộng	**517.000**	**347.000**

7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	Năm nay	Năm trước
Quỹ khen thưởng	-	31.303.619
Quỹ phúc lợi	35.106.808	15.651.809
Tổng cộng	**35.106.808**	**46.955.428**
Tình hình Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi trong năm như sau :		
- Số dư đầu kỳ	**46.955.428**	**-**
Tăng trích từ lợi nhuận	58.364.997	46.955.428
Giảm trong năm	(70.213.617)	-
- Số dư cuối kỳ	**35.106.808**	**46.955.428**

(xem trang tiếp theo)

8. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn Điều lệ thực góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2024	**20.000.000.000**	**2.738.446.106**	**2.273.612.725**	**862.507.146**	**25.874.565.977**
Tăng trong năm trước	-	431.253.573	384.298.145	-	815.551.718
Lãi trong năm trước	-	-	-	583.408.417	583.408.417
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(431.253.573)	(431.253.573)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	(384.298.145)	(384.298.145)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(46.955.428)	(46.955.428)
Số dư ngày 31/12/2024	**20.000.000.000**	**3.169.699.679**	**2.657.910.870**	**583.408.417**	**26.411.018.966**
Tăng trong năm nay	-	291.704.209	233.339.211	-	525.043.420
Lãi trong năm	-	-	-	931.221.575	931.221.575
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(291.704.209)	(291.704.209)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	(233.339.211)	(233.339.211)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(58.364.997)	(58.364.997)
Số dư ngày 31/12/2025	**20.000.000.000**	**3.461.403.888**	**2.891.250.081**	**931.221.575**	**27.283.875.544**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

a. Vốn điều lệ thực góp	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**
Tăng vốn trong năm	-	
Giảm vốn trong năm	-	
- Số cuối năm	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

b. Quỹ đầu tư phát triển	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	**3.169.699.679**	**2.738.446.106**
Bổ sung từ lợi nhuận	291.704.209	431.253.573
- Số cuối năm	**3.461.403.888**	**3.169.699.679**

c. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	**2.657.910.870**	**2.273.612.725**
Bổ sung từ lợi nhuận	233.339.211	384.298.145
- Số cuối năm	**2.891.250.081**	**2.657.910.870**

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	**583.408.417**	**862.507.146**
Kết quả hoạt động sau thuế	931.221.575	583.408.417
Phân phối kết quả hoạt động	(583.408.417)	(862.507.146)
- Số cuối năm	**931.221.575**	**583.408.417**

8. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối năm	Đầu năm
a. Tài sản nhận thế chấp, cầm cố, bảo đảm nợ của khách hàng		
- Bất động sản;	17.577.538.904	27.208.862.169
Tổng cộng	**17.577.538.904**	**27.208.862.169**
b. Nợ lãi cho vay	4.385.000	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG.

	Năm nay	Năm trước
01. Doanh thu hoạt động	**326.746.000**	**426.523.000**
- Doanh thu từ lãi cho vay	326.746.000	426.523.000
- Doanh thu hoạt động nghiệp vụ	-	-
Tổng cộng	**326.746.000**	**426.523.000**
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**326.746.000**	**426.523.000**

02. Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Phí ủy thác	116.647.647	151.702.419
Chi phí/hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro cho vay	(9.690.675)	(36.226.571)
Tổng cộng	**106.956.972**	**115.475.848**

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	904.395.165	613.095.875
Tổng cộng	**904.395.165**	**613.095.875**

04. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	111.234.990	271.459.987
Chi phí vật liệu quản lý	-	7.764.330
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.483.871	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.298.000	16.452.000
Chi phí bằng tiền khác	726.000	14.403.499
Tổng cộng	**147.742.861**	**310.079.816**

05. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thu nhập chịu thuế (lãi tiền gửi ngân hàng)	904.395.165	613.095.875
Thuế suất	5%	5%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**45.219.758**	**30.654.794**

Thuế TNDN thực hiện theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Đề án thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Long An và Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Tây Ninh theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, vẫn chưa có quyết định về việc hợp nhất và chuyển giao, điều lệ tổ chức, hoạt động và chế độ tài chính của Quỹ sẽ được điều chỉnh khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc Quỹ, đến kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Thông tin tài chính liên quan

Ngày 12 tháng 08 năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 52/2022/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Thông tư này thay thế Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11/07/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính áp dụng đối với Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã;

Từ ngày 01/01/2025, Quỹ áp dụng chế độ Kế toán cho Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính. Trước ngày 01/01/2025, Quỹ áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm 2025 là số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Nguyễn Ngọc Duyên Anh	Đặng Thị Kiều Oanh	Lương Minh Trí
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc